

Công ty cổ phần  
Quản Lý Quỹ Việt Cát

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**  
Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty: Cổ phần quản lý quỹ Việt Cát

Trụ sở chính: Tầng 12, Ruby Plaza, 44 Lê Ngọc Hân, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 04 3941 0715

Fax: 04 3941 0716

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Huy Minh

Địa chỉ: Tầng 12, Ruby Plaza, 44 Lê Ngọc Hân, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 04 3941 0715

Fax: 04 3941 0716

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo Tài chính năm 2017 của Công ty CP Quản lý Quỹ Việt Cát

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2018

Người thực hiện công bố thông tin

(Ký, ghi rõ họ tên)



*Nguyễn Huy Minh*

TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Huy Minh*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 tháng 2017

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
1	2	3	4	5
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. Tài sản ngắn hạn (100 = 110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>19,937,295,922</b>	<b>16,871,373,393</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>9,140,249,531</b>	<b>15,978,094,085</b>
1. Tiền	111		4,240,249,531	1,678,094,085
2. Các khoản tương đương tiền	112		4,900,000,000	14,300,000,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>5,700,666,412</b>	<b>666,412</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		666,412	666,412
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5,700,000,000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5,080,318,061</b>	<b>879,124,623</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		4,305,722,000	301,622,000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		33,400,000	33,400,000
3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134		659,047,727	441,930,706
4. Phải thu ngắn hạn khác	135		82,148,334	102,171,917
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>16,061,918</b>	<b>13,488,273</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4,523,958	2,165,576
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		11,537,960	11,322,697
<b>B - Tài sản dài hạn (200 = 210+220+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>5,998,386,822</b>	<b>9,074,150,623</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>75,114,000</b>	<b>75,114,000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		75,114,000	75,114,000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>-</b>	<b>7,962,500</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
- Nguyên giá	222		169,467,449	169,467,449
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(169,467,449)	(169,467,449)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	7,962,500
- Nguyên giá	228		40,950,000	40,950,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(40,950,000)	(32,987,500)
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>5,921,503,444</b>	<b>8,795,410,179</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258		6,500,000,000	10,000,000,000
1. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(578,496,556)	(1,024,589,821)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1,769,378</b>	<b>15,663,944</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	268		1,769,378	15,663,944
<b>Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>25,935,682,744</b>	<b>25,945,524,016</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 tháng 2017

<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>333,865,724</b>	<b>337,875,946</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>333,865,724</b>	<b>337,875,946</b>
1. Phải trả người bán	312		3,371,463	36,354,672
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		17,934,261	52,422,274
3. Phải trả người lao động	315		235,560,000	187,099,000
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	316		50,000,000	50,000,000
5. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		27,000,000	12,000,000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
<b>B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>25,601,817,020</b>	<b>25,607,648,070</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>25,601,817,020</b>	<b>25,607,648,070</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25,000,000,000	25,000,000,000
Quỹ dự phòng tài chính	415		30,382,404	30,382,404
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			30,382,404	30,382,404
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		541,052,212	546,883,262
<i>LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		546,883,262	438,584,877
<i>LNST chưa phân phối đến cuối kỳ này</i>	<i>421b</i>		(5.831,050)	108,298,385
<b>Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>25,935,682,744</b>	<b>25,945,524,016</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 tháng 2017

(Tiếp theo)

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2017
1	2	3	4	5
Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006		60,000	60,000
Chứng khoán giao dịch	007		60,000	60,000
Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ	020		-	-
Tiền gửi của Nhà đầu tư ủy thác	030		2,118,425,921	1,724,527,651
- Tiền gửi của Nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		2,118,425,921	1,724,527,651
- Tiền gửi của Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032			
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040		244,641,617,524	98,506,562,224
Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		244,641,617,524	98,506,562,224
Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài				
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050		2,100,000	2,100,000
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051		1,007,475,716	837,526,182

12/03/2018

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2017  
 Đại Diện Công Ty

Người lập

Bùi Thị Phương Dung

Kế Toán Trưởng

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
 Hoàng Thị Hồng Hạnh



TỔNG GIÁM ĐỐC  
 Nguyễn Huy Minh



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Tại ngày 31 tháng 12 tháng 2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1	2	3	4	6
Doanh thu hoạt động kinh doanh	01		310,147,986	2,438,624,941
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	10		310,147,986	2,438,624,941
Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11		-	-
Lợi nhuận gộp của HDKD (20 = 10 - 11)	20		310,147,986	2,438,624,941
Doanh thu hoạt động tài chính	21		1,430,635,880	749,655,422
Chi phí tài chính	22		(446,093,265)	1,024,589,821
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2,087,923,444	1,952,106,527
Lợi nhuận thuần từ HDKD (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		98,953,687	211,584,015
Thu nhập khác	31			347,660
Chi phí khác	32		85,000,000	501,047
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		13,953,687	(153,387)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		19,784,737	211,430,628
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51			42,367,435
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	51			-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(5,831,050)	169,063,193
Lãi trên cổ phiếu	70		(2)	68

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2017

Người lập

Bùi Thị Phương Dung

Kế toán trưởng

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
 Hoàng Thị Hồng Hạnh



TỔNG GIÁM ĐỐC  
 Nguyễn Huy Minh



**BÁO CÁO KẾT QUẢ LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1	2	3	4	6
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		93,030,965	2,138,473,464
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02		(520,698,768)	91,623,032
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1,387,159,000)	(1,109,376,000)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(20,000,000)	(77,000,000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		528,257,574	1,228,153,602,772
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(481,934,788)	(1,228,471,950,586)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD</b>	<b>20</b>		<b>(1,788,504,017)</b>	<b>725,372,682</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCD và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Thu thanh lý, nhượng bán TSCD và TS dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua bán các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(16,740,354,167)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10,700,000,000	6,470,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia	27		991,013,630	853,810,819
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(5,049,340,537)</b>	<b>7,323,810,819</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>			
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>			
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>(6,837,844,554)</b>	<b>8,049,183,501</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>15,978,094,085</b>	<b>7,928,910,584</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>9,140,249,531</b>	<b>15,978,094,085</b>

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2017

Người lập

Bùi Thị Phương Dung

Kế toán trưởng

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
 Hoàng Thị Hồng Hạnh



TỔNG GIÁM ĐỐC  
 Nguyễn Huy Minh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Tại ngày 31 tháng 12 tháng 2017

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Quyết định cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 28/UBCK-GP ngày 25/01/2008 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Tầng 12 - 44 Lê Ngọc Hân - Hai Bà Trưng - Hà Nội  
Tel: (84-4) 3941 0715 Fax: (84-4) 3941 0716

Vốn điều lệ theo Giấy phép điều chỉnh của Công ty là: **25.000.000.000 VND** (Hai mươi lăm tỷ đồng Việt Nam). Tương đương với 2.500.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND, không có cổ phần ưu đãi. Các cổ đông sáng lập góp vốn mua cổ phần của Công ty và đến ngày 30/09/2015 đã hoàn thành 100%.

**2. Lĩnh vực kinh doanh, ngành nghề kinh doanh:**

Theo Quyết định cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 28/UBCK-GP ngày 25/01/2008 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán

**II. KÝ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán năm:** bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng tiền Việt Nam (VND).

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác: Các đồng tiền khác phát sinh phải được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc theo tỷ giá giao dịch liên ngân hàng công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng:**

Hệ thống kế toán của Công ty được thiết lập trên cơ sở tuân thủ Chế độ Kế toán Công ty Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài Chính và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán:**

Công ty cũng áp dụng và tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã ban hành và có hiệu lực cho kỳ kế toán năm 2017 và các quy định pháp lý có liên quan trong việc lập và trình bày Báo cáo Tài Chính.

Báo cáo Tài chính năm 2017 được lập và trình bày tuân thủ các quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày báo cáo tài chính" và Chế độ Kế toán áp dụng cho Công ty Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực cho kể từ ngày 01/01/2012.

**3. Hình thức kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng hình thức số kế toán: Nhật ký chung

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Việc lập Báo cáo tài chính năm 2017, Công ty áp dụng Chế độ Kế toán cho Công ty Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ban hành theo Thông tư số: 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài Chính.

**1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền:**



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền:	Số đầu kỳ tại	Số cuối kỳ tại
	ngày 01/01/2017	ngày 31/12/2017
	VND	VND
Tiền mặt	514,918,258	34,368,948
Tiền gửi ngân hàng	15,463,112,827	9,105,880,583
+ Tiền	1,163,112,827	4,205,880,583
+ Các khoản tương đương tiền (*)	14,300,000,000	4,900,000,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>15,978,031,085</b>	<b>9,140,249,531</b>

(\*): Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư tài chính:	Số đầu kỳ tại	Số cuối kỳ tại
	ngày 01/01/2017	ngày 31/12/2017
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>666,412</b>	<b>5,700,666,412</b>
Công ty CP Dược Hậu Giang (1)	666,412	666,412
Tiền gửi có kỳ hạn (1)	-	5,700,000,000
<b>Dài hạn</b>	<b>8,975,410,179</b>	<b>5,921,503,444</b>
Các khoản đầu tư khác (2)	10,000,000,000	6,500,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(1,024,589,821)	(578,496,556)
<b>Tổng cộng</b>	<b>8,976,076,591</b>	<b>11,622,169,856</b>

(1): Khoản đầu tư mua CP của công ty CP Dược Hậu Giang mã chứng khoán DHG, số lượng cổ phiếu tại 31/12/2017 là 06 cổ phiếu

(2) Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 06 tháng tại NHTM CP Tiên Phong theo Hợp đồng tiền gửi số 2011/HĐTG.IB/TPB-VFC từ ngày 20/11/2017 đến ngày 20/05/2018 với lãi suất 6%/năm

(3) Khoản đầu tư cổ phiếu VINARE, số lượng cổ phần tại ngày 31/12/2017 là 650.000 cổ phần

3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	Số đầu kỳ tại	Số cuối kỳ tại
	ngày 01/01/2017	ngày 31/12/2017
	VND	VND
Đoàn Minh Phượng	18,639,591	18,920,692
Phạm Ngọc Quốc Cường	50,219,002	71,691,102
Phạm Xuân Thi	5,748,370	74,606,492
Ông Hoàng Hiếu	246,375,238	246,375,238
Vũ Anh Thư	41,629,781	41,629,781
Các nhà đầu tư khác	79,318,724	205,824,422
<b>Tổng cộng</b>	<b>441,930,706</b>	<b>659,047,727</b>



**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**4. Các khoản phải thu khác:**

	Số đầu kỳ tại ngày 01/01/2017	Số cuối kỳ tại ngày 31/12/2017
	VND	VND
+ Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	102,171,917	82,148,334
+ Phải thu khác	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>102,171,917</b>	<b>82,148,334</b>

**5 Phải thu khách hàng**

	Số đầu kỳ tại ngày 01/01/2017	Số cuối kỳ tại ngày 31/12/2017
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>301,622,000</b>	<b>4,305,722,000</b>
- Công ty CP HCM Lott 68		4,300,000,000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	300,000,000	-
- Các đối tượng khác	1,622,000	5,722,000
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>301,622,000</b>	<b>4,305,722,000</b>

**6 Chi phí trả trước**

	Số đầu kỳ tại ngày 01/01/2017	Số cuối kỳ tại ngày 31/12/2017
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2,165,576</b>	<b>4,523,958</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	2,165,576	4,523,958
<b>Dài hạn</b>	<b>15,663,944</b>	<b>1,769,378</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	10,729,860	1,769,378
- Các khoản khác	4,934,084	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>17,829,520</b>	<b>6,293,336</b>

**7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình của Công ty là thiết bị quản lý đã hết hạn khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

**8. Tài sản cố định vô hình:**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán

Nguyên giá	40,950,000
Giá trị đã hao mòn	40,950,000
Giá trị còn lại tại ngày 31.12.2017	-

**9 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu nhà nước**

	Số đầu kỳ tại ngày 01/01/2017	Số cuối kỳ tại ngày 31/12/2017
	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	27,272,727	-
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	(11,322,697)	(11,537,960)
- Thuế thu nhập cá nhân	25,149,547	17,934,261
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
<b>Thuế và các khoản phải nộp, phải thu nhà nước</b>	<b>41,099,577</b>	<b>6,396,301</b>

1 Phải trả người bán

	Số đầu kỳ tại ngày 01/01/2017	Số cuối kỳ tại ngày 31/12/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	36,354,672	3,371,463
- Công ty CP Chuyển phát nhanh Đông Nam Á	3,280,300	-
- Tập đoàn vàng bạc đá quý DOJI	1,514,372	1,631,463
- Các đối tượng khác	31,560,000	1,740,000
Dài hạn	-	-
	<b>36,354,672</b>	<b>3,371,463</b>

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2017

Người lập

Bùi Thị Phương Dung

Kế toán trưởng

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
Hoàng Thị Hằng Hạnh



Đại diện Công ty

TỔNG GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Huy Minh

